XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH XÃ ÂN TÌNH, HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

Lê Thị Liên

Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Thanh Hóa

Tóm tắt

Cơ sở dữ liệu địa chính phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về đất đai, làm bản đồ nền để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất các cấp, quản lý biến động, cung cấp thông tin, sao trích lục hồ sơ,... Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý đất đai đã góp phần cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thụ lý hồ sơ hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh hơn, chính xác hơn. Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian địa chính xã Ân Tình bằng phần mềm MicroStation V8i được 39 tờ bản đồ địa chính, dữ liệu thuộc tính được xây dựng bằng phần mềm excel với 4550 thửa đất có thông tin, liên kết dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian địa chính bằng Gcadas. Cơ sở dữ liệu địa chính xã Ân Tình là cơ sở thống kê và kiểm kê đất đai, giao đất, cho thuê đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, lập kế hoạch, quy hoạch quản lý và sử dụng đất, bảo vệ môi trường tại địa phương; kết nối trên mạng để khai thác và sử dụng, đảm bảo sự minh bạch trong quản lý đất đai; là tài liệu cơ sở phục vụ cho việc quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn của xã, huyện.

Từ khóa: Bản đồ địa chính; Cơ sở dữ liệu địa chính; Xã Ân Tình.

Abstract

Building the cadastral database of An Tinh commune, Na Ri district, Bac Kan province

The cadastral database is important for land management since it can be used for building the current land use map, land use planning maps, managing land use changes, providing information, copying and extracting documents, etc. The application of information technology in land management has contributed to administrative reform, reduce processing time, faster and more accurately serving people and businesses. The cadastral database of An Tinh commune was built by using MicroStation V8i software, based on 39 sheets of cadastral maps. Attribute data was built by using excel software with the information of 4550 land plots. Gcadas was used to link attribute data and geospatial data. An Tinh commune cadastral database is the basis for land statistics and inventory, land allocation, land lease, compensation, site clearance, planning for land use and management, local environmental protection. It can be connected to the land exploitation and use network in order to ensure the transparency in land management. In addition, it can be used for building land use plan of the commune and district in each period.

Keywords: Cadastral maps; Geospatial database; An Tinh commune.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chính là yêu cầu cơ bản để xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại. Trong nhiều năm qua, các địa phương đã quan tâm, tổ chức triển khai thực hiện ở nhiều địa bàn. Một số tỉnh đã cơ bản xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và đã tổ chức quản lý, vận hành phục vụ yêu cầu khai thác sử dụng rất hiệu quả và được cập nhật biến động thường xuyên ở các cấp tỉnh, huyện, xã.

Việc xây dựng CSDL địa chính nhằm hiện đại hoá hệ thống công tác quản lý và cập nhật, chỉnh lý biến động nguồn dữ liệu đất đai thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, thành phố đến các quận, huyện, thị xã (gọi chung là cấp huyện) và các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) đảm bảo cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai nhanh gọn, chính xác phục vụ tốt quản lý Nhà nước về đất đai, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, nghiên cứu khoa học, đào tạo; phát triển Chính phủ điện tử trong ngành tài nguyên và môi trường và đặc biệt là nhu cầu khai thác thông tin thường xuyên cho người dân và doanh nghiệp góp phần làm minh bạch thị trường bất động sản.

Từng bước hoàn thiện, chuẩn hóa CSDL đất đai để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, phục vụ cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng, khai thác tiềm năng quỹ đất, cung cấp các thông tin về đất đai phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. Thiết lập mạng lưới thông tin giao diện, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, phục vụ cho việc quản lý và khai thác thông tin đất đai.

Cơ sở dữ liệu địa chính được xây dựng tập trung thống nhất từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Việc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu địa chính phải đảm bảo tính chính xác, khoa học, khách quan, kịp thời và thực hiện theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

Cơ sở dữ liệu địa chính cấp xã là thành phần cơ bản của hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính. Cơ sở dữ liệu địa chính của quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là tập hợp CSDL địa chính của tất cả các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện; đối với các huyện không có đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc thì cấp huyện là đơn vị cơ bản để thành lập cơ sở dữ liệu địa chính [3].

Cơ sở dữ liệu địa chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là tập hợp CSDL địa chính của tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh. Cơ sở dữ liệu địa chính cấp Trung ương là tổng hợp CSDL địa chính của tất cả các đơn vị hành chính cấp tỉnh trên phạm vi cả nước [3].

Huyện Na Rì tỉnh Bắc Kạn có hệ thống bản đồ địa chính đo từ năm 2006, qua thời gian 16 năm khai thác, sử dụng thì hệ thống bản đồ này đã cũ do có nhiều biến động đất đai (như gộp thửa, tách thửa, quy hoạch đất,…), do vậy rất bất cập trong việc xây dựng CSDL địa chính phục vụ cho phát triển quỹ đất lâu dài của huyện. Năm 2019 huyện Na Rì đã triển khai đo mới, đo chỉnh lý bản đồ địa chính trên toàn huyện. Tuy nhiên, việc xây dựng CSDL cho các xã trong toàn huyện còn gặp nhiều khó khăn. Do khi xây dựng CSDL địa chính cần sử dụng nhiều phần mềm, đòi hỏi sự kiên trì trong quá trình biên tập, yêu cầu độ chính xác cao, mà trình độ tin học ở cán bộ địa chính cấp xã,

huyện còn chưa đồng đều. Chính vì vậy, bài báo này tổng quan lại quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính lại xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn nhằm góp phần cho công tác quản lý tốt quỹ đất của địa phương, phục vụ công tác kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận nhanh chóng và minh bạch.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Tài liệu, số liệu thực nghiệm

Bản đồ địa chính xã Ân Tình đo đạc năm 2006;

Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2015-2020) huyện Na Rì;

Xã Ân Tình có 39 tờ bản đồ số, tuy nhiên 39 tờ bản đồ số này đều đo vẽ từ những năm 2005, 2006, đến thời điểm hiện tại đã có nhiều biến động (như: tách thửa, gộp thửa, đất quy hoạch, mục đích sử dụng đất đã thay đổi theo thông tư mới của Bộ Tài Nguyên,…) nhưng vẫn chưa được chỉnh lý cập nhật trên bản đồ số.

Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ theo dõi tình hình thửa đất mới,… vẫn còn lưu trữ thủ công dẫn đến việc tra cứu thông tin thửa đất còn nhiều bất cập.

Tóm lại, việc xây dựng và quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn còn khá thô sơ, CSDL địa chính lưu trữ ở dạng giấy và phương pháp quản lý thủ công dẫn đến những khó khăn trong tra cứu thông tin, cập nhật biến động đất đai. xã Ân Tình có hệ thống bản đồ địa chính, hồ sơ, sổ sách đều đã cũ và không đồng bộ, có nhiều biến động so với thực tế.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn xã còn rất chậm so với hiện thực.

2.2. Công cụ thực hiện

Quá trình xây dựng CSDL cần sử dụng phối kết hợp các phần mềm để giải quyết các công đoạn trong quy trình thực hiện. Khái quát các nhiệm vụ cần giải quyết ứng với các công cụ phần mềm như sau:

- Phần mềm MicroStation V8i để biên tập bản đồ địa chính xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả thu được 39 tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000.

- Phần mềm Excel để nhập thông tin thuộc tính của thửa đất: địa chỉ thửa đất, mục đích sử dụng, thời hạn sử dụng, chủ hộ, năm sinh, hộ khẩu thường trú, chứng minh thư nhân dân, mã vạch, số vào sổ, ngày vào sổ, người ký giấy chứng nhận,…

- Phần mềm Gcadas để liên kết dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính xã Ân tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền

Dữ liệu không gian đất đai nền được xây dựng để làm cơ sở xây dựng, định vị dữ liệu không gian địa chính, dữ liệu không gian kiểm kê đất đai, dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các dữ liệu không gian chuyên đề khác [2].

Dữ liệu không gian đất đai nền được xây dựng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã và phải được thực hiện đồng thời với việc xây dựng dữ liệu không gian địa chính.

Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền:

Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền theo đơn vị hành chính cấp xã đã có bản đồ địa chính phủ kín bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 và 1/10000;

Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền [2]:

- Xử lý biên theo quy định về bản đồ đối với các tài liệu bản đồ tiếp giáp nhau;

- Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền;

- Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu;

- Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền:

- Xử lý tiếp biên dữ liệu không gian đất đai nền giữa các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện liền kề;

- Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào cơ sở dữ liệu đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

3.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian địa chính

Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính [1]:

Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian địa chính với nội dung tương ứng trong bản đồ địa chính để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ địa chính;

Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian địa chính thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

Bổ sung, chỉnh sửa các thửa đất đã thay đổi hình thể, kích thước theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ đăng ký biến động.

Bổ sung, chỉnh sửa thửa đất bị chồng lấn diện tích do đo đạc địa chính, cấp Giấy chứng nhận trên nền các bản đồ có tỷ lệ khác nhau hoặc thời điểm đo đạc khác nhau.

Rà soát dữ liệu không gian của từng đơn vị hành chính để xử lý các lỗi dọc biên giữa các xã tiếp giáp nhau (nếu có). Trường hợp có sự sai lệch về hình thể (do độ chính xác của các loại bản đồ địa chính khác loại tỷ lệ) cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan.

Sau khi ghép biên 39 tờ bản đồ địa chính xã Ân Tình theo Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015 Quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai [2], được kết quả:

- Địa phận xã Ân Tình;

- Điểm địa danh xã Ân Tình;

- Điểm ghi chú xã Ân Tình;

- Điểm tọa độ xã Ân Tình;

- Đường địa giới cấp xã Ân Tình;
- Đường thủy hệ xã Ân Tình;
- Mặt đường bộ xã Ân Tình;
- Mốc biên giới địa giới xã Ân Tình;
- Ranh giới đường xã Ân Tình;
- Tài sản gắn liền với đất xã Ân Tình;
- Tim đường xã Ân Tình;
- Vùng thủy hệ xã Ân Tình.

Hình 1: Tờ bản đồ số 2 của bản đồ địa chính xã Ân Tình

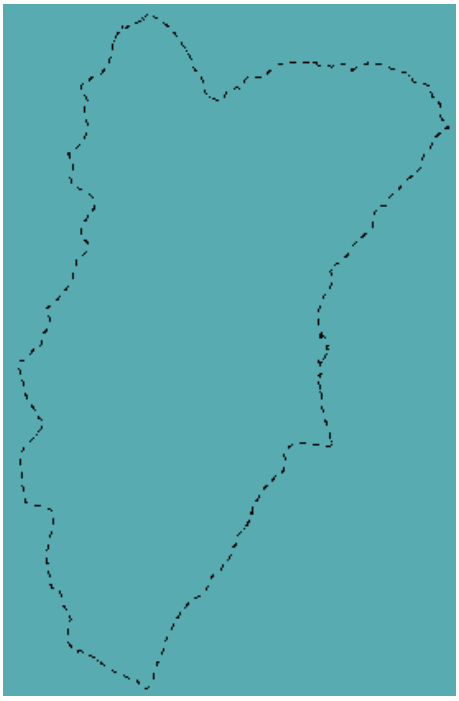

Hình 2: Địa phận xã Ân Tình

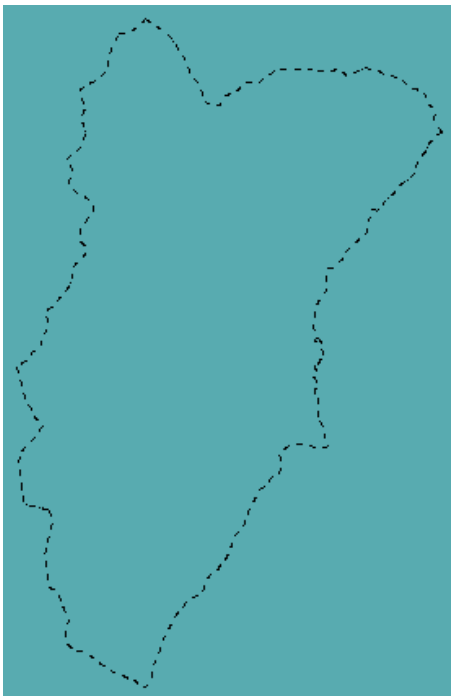

Hình 3: Đường địa giới xã Ân Tình

Hình 4: Điểm địa danh xã Ân Tình

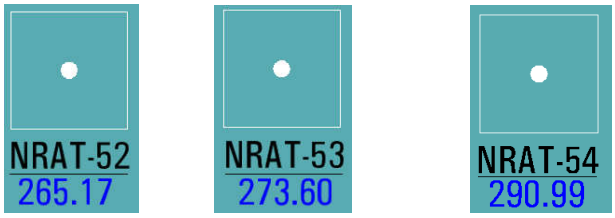

Hình 5: Điểm tọa độ xã Ân Tình

Hình 6: Đường thủy hệ xã Ân Tình

Hình 7: Tài sản gắn liền với đất

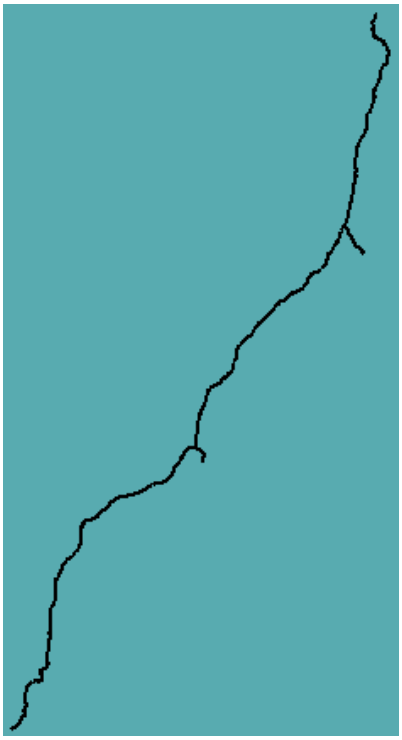

Hình 8: Tim đường xã Ân Tình

Hình 9: Vùng thủy hệ xã Ân Tình

3.3. Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính

Dữ liệu thuộc tính địa chính được xây dựng đồng thời trong quá trình xây dựng dữ liệu không gian và được tiếp tục xây dựng từ các nguồn tài liệu đã được thu thập tại xã, huyện, tỉnh và tuân thủ theo các bước như sau [2, 3]:

Kiểm tra tính đầy đủ thông tin của thửa đất, lựa chọn tài liệu để lấy thông tin;

Lập bảng tham chiếu số tờ, số thửa và diện tích đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận theo bản đồ địa chính mới;

Nhập thông tin từ tài liệu đã lựa chọn vào cơ sở dữ liệu địa chính.

Nhập thông tin thuộc tính của thửa đất vào bảng Excel với các nội dung: địa chỉ thửa đất, mục đích sử dụng, tên chủ sử dụng, năm sinh, số chứng minh thư nhân dân, hộ khẩu thường trú, tên chủ cũ, mã vạch cũ, mã vạch mới, ngày vào sổ, người ký giấy chứng nhận, mã vạch, số hiệu phát hành,… Kết quả nhập 4550 thửa đất có thông tin thuộc tính của xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

	X	Y	Số tờ	Số thửa	Số thửa tạm	Diện tích	Diện tích pháp lý	Địa chỉ	Khu dân cư	Đất đô thị	Ghi chú	MĐSD KH 1
4	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	21
5	457763.940278786	2459693.94395007	1	1		843.2		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lùng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	NTS
6	457787.704525244	2459687.72365947	1	2		53.3		thôn Nà Lùng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
7	457823.894047381	2459691.23474746	1	3		498.9		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
8	457753.873097884	2459663.43218954	1	5		1989.0		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lùng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
9	457778.422565504	2459637.85762545	1	6		69.4		thôn Nà Lùng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BCS
10	457780.789267203	2459630.26381769	1	8		3.7		thôn Nà Lùng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BCS
11	457805.066840019	2459623.63843499	1	9		34.7		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
12	457805.580464736	2459616.13552841	1	10		47.9		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
13	457810.097696205	2459623.24962576	1	11		51.6		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
14	457812.376430321	2459631.98436682	1	12		32.5		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
15	458026.348570451	2459623.41189377	1	13		680.9	681.0	đồng Hang Lì, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	A	BHK
16	457805.994965268	2459597.08733097	1	14		418.7	419.0	đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	A	BHK
17	457827.432243511	2459612.46888219	1	15		1071.0	1079.0	đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	C	BHK
18	458006.575257281	2459612.21427894	1	16		374.9	375.0	đồng Hang Lì, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	A	NTS
19	457819.083322985	2459590.60816089	1	17		17.4		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
20	457820.955658594	2459582.34534488	1	18		33.3		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK
21	457756.054866652	2459570.51927026	1	19		1382.4	1414.0	đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	A	CLN
22	457810.73560872	2459557.88355963	1	20		45.4		đồng Vài Tó Tâm, thôn Nà Lẹng, xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	0	0	E	BHK

	MĐSD GCN 1	Diện tích 1	Diện tích pháp lý 1	Là sử dụng chung1	Thời hạn sử dụng 1	Nguồn gốc sử dụng 1	Đối tượng sử dụng	Mã xã (của chủ)	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Giới tính	Loại giấy tờ	Số giấy tờ	Ngày cấp	Nơi c
4	22	23	24	25	26	27	52	53	54	55	56	57	58	59	60
5		843.2		0			GDC	2164	Mã Phương Tứ		1				
6		53.3		0			GDC	2164	Mã Phương Tứ		1				
7		498.9		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
8		1989.0		0			GDC	2164	Đinh Duy Trường	1957	1	CMND	095186146	11/03/2009	Công an tỉnh
9		69.4		0			UBQ	2164	UBND Xã						
10		3.7		0			UBQ	2164	UBND Xã						
11		34.7		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
12		47.9		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
13		51.6		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
14		32.5		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
15	BHK	680.9	681.0	0	10/2014	NCQ-CNQ-KTT	GDC	2164	Đàm Văn Sự	1978	1	CMND	095073496	14/05/2003	Công an tỉnh
16	BHK	418.7	419.0	0	Đến tháng 12/2014	CNQ	GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
17	BHK	1071.0	1079.0	0	Đến tháng 12/2014	CNQ	GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
18	NTS	374.9	375.0	0	10/2018	NCQ-CNQ-KTT	GDC	2164	Đàm Văn Sự	1978	1	CMND	095073496	14/05/2003	Công an tỉnh
19		17.4		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
20		33.3		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh
21	BHK	1382.4	1414.0	0	10/2020	CNQ-KTT	GDC	2164	Mã Thiêm Cừ	1969	1	CMND	095205021	31/05/2016	Công an tỉnh
22		45.4		0			GDC	2164	Sái Thị Nguyên	1961	0	CMND	095205964	22/07/2010	Công an tỉnh

	Số hồ sơ gốc	Ngày vào sổ địa chính	Ngày vào sổ	Người ký GCN	Ghi chú trang 2	Số tờ cũ	Số thửa cũ	Diện tích cũ	Số phát hành cũ	Số vào sổ cấp giấy cũ	Ngày cấp giấy cũ	Mã vạch cũ	Tên chủ cũ	Loại đối tượng chủ cũ	Giới tính chủ cũ
4	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103
15			12/06/2014	Nông Danh Hiển		1	13	681	BN 150266	CH 00458	30/10/2013	0216413008766	Đàm Văn Được		
16			31/07/2009	Nông Văn Kỳ											
17			31/07/2009	Nông Văn Kỳ											
18			12/06/2014	Nông Danh Hiển		1	16	375	BN 150267	CH 00459	30/10/2013	0216413008757	Đàm Văn Được		
21			30/10/2013	Nông Danh Hiển											
23			25/09/2013	Nông Danh Hiển		4;1;9;2	253;21;266;2	5043	AG 872689	H 00104	31/07/2009		Sái Thị Nguyên		

Hình 10: Dữ liệu thuộc tính xã Ân Tình

3.4. Tích hợp dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính

Sử dụng phần mềm Gcadas để liên kết dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính xã Ân tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Menu/ Hồ sơ/ Nhập thông tin từ Excel: chọn file Excel cần nhập, chọn sheet: kê khai đăng ký/ lấy dữ liệu/ nhập dữ liệu.

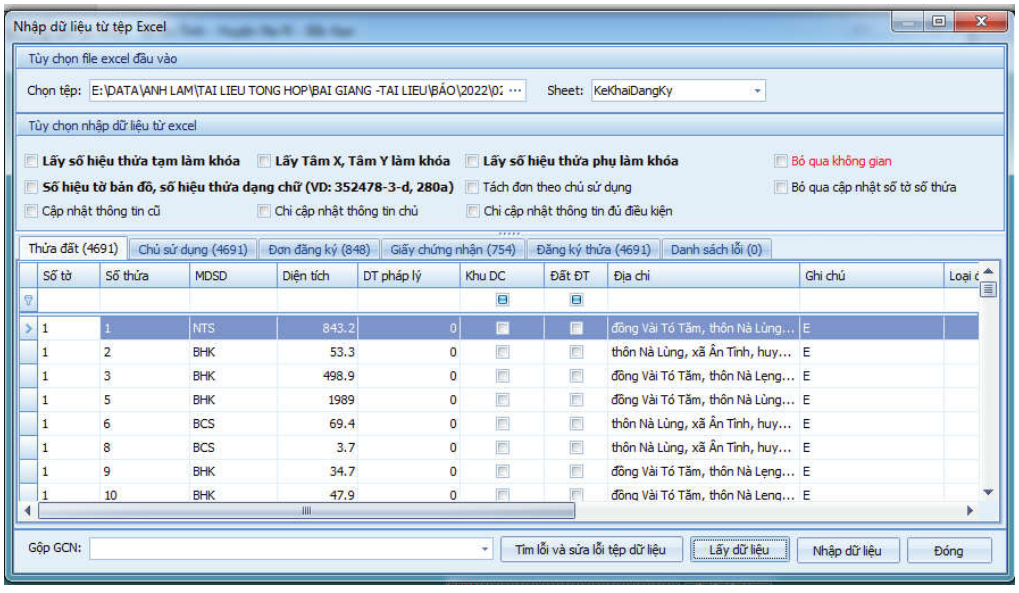

Hình 11: Nhập dữ liệu thuộc tính vào dữ liệu không gian

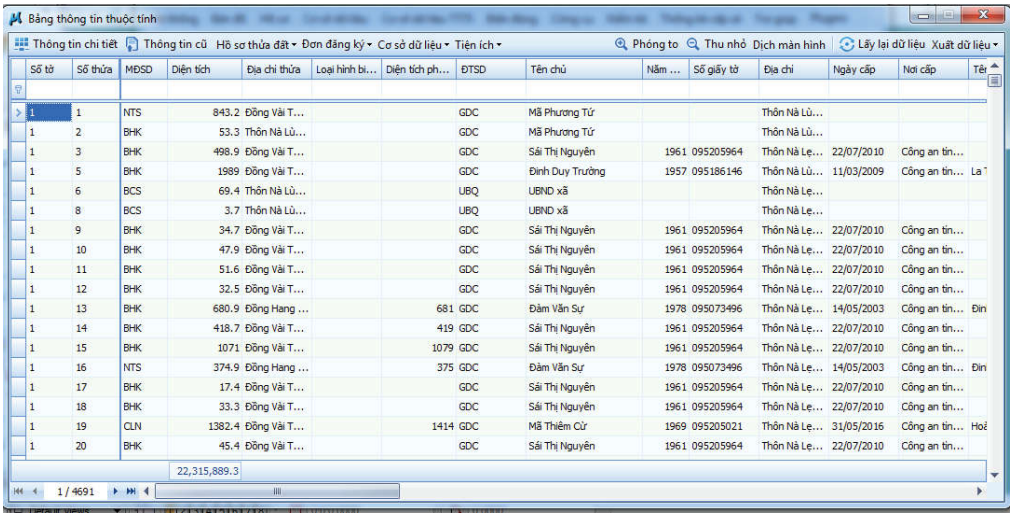

Hình 12: Kết quả dữ liệu thuộc tính được đưa vào Gcadas

4. Kết luận

4.1. Kết quả

Dữ liệu không gian là 39 bản đồ địa chính xã Ân Tình bằng phần mềm MicroStation V8i; Sau khi ghép biên 39 tờ bản đồ địa chính xã Ân Tình được kết quả:

- Địa phận xã Ân Tình;
- Điểm địa danh xã Ân Tình;
- Điểm ghi chú xã Ân Tình;
- Điểm tọa độ xã Ân Tình;
- Đường địa giới cấp xã Ân Tình;
- Đường thủy hệ xã Ân Tình;
- Mặt đường bộ xã Ân Tình;
- Mốc biên giới địa giới xã Ân Tình;
- Ranh giới đường xã Ân Tình;
- Tài sản gắn liền với đất xã Ân Tình;
- Tim đường xã Ân Tình;
- Vùng thủy hệ xã Ân Tình.

Dữ liệu thuộc tính gồm 4550 thửa đất có thông tin thuộc tính của xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Liên kết dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian qua phần mềm Gcadas, kết quả này phục vụ tốt cho quá trình quản lý quỹ đất, công tác kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu vực xã Ân Tình.

4.2. Ứng dụng của kết quả nghiên cứu

Làm cơ sở thống kê và kiểm kê đất đai, giao đất, cho thuê đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, lập kế hoạch, quy hoạch quản lý và sử dụng đất, bảo vệ môi trường tại địa phương.

Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, kết nối trên mạng để khai thác và sử dụng, đảm bảo sự minh bạch trong quản lý đất đai.

Làm lành mạnh hóa thị trường bất động sản, tạo điều kiện cho việc giao dịch bảo đảm góp phần nâng cao đời sống dân sinh.

Là tài liệu cơ sở phục vụ cho việc hoạch định chính sách kinh tế xã hội trên địa bàn huyện (khảo sát thiết kế các công trình giao thông, các khu du lịch, khu công nghiệp,...).

Làm cơ sở quản lý Nhà nước theo Luật Đất đai năm 2013 và Chỉ thị số: 01/CT-TTg, ngày ngày 22 tháng 01 năm

2014 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai năm 2013; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai.

Phục vụ công tác cấp lần đầu, cấp đổi Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính theo Luật đất đai 2013; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 Quy định về hồ sơ địa chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014). *Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Quy định bản đồ địa chính.*

[2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015). *Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015 quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai.*

[3]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2017). *Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25/4/2017 quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.*

[4]. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007). *Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 về việc kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.*

[5]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn (2017). *Quyết định số 181/QĐ-STNMT ngày 03/7/2017 về việc phê duyệt dự toán chi phí thực hiện khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật. Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Na Rì tỉnh Bắc Kạn.*

[6]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014). *Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính.*

[7]. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). *Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01/08/2014 về việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.*

BBT nhận bài: 22/02/2022; Phản biện xong: 10/3/2022; Chấp nhận đăng: 28/6/2022